

Số: *21* /2018/QĐ-UBND

*Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 8 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất tại các xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, giai đoạn 2018 – 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất tại các xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, giai đoạn 2018 – 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số ~~222~~ /TTr-UBND ngày ~~19~~ tháng ~~6~~ năm 2018 dự thảo Quyết định quy định biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất các xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2018-2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất tại các xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, giai đoạn 2018 – 2020 (sau đây gọi là tắt là Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người vay vốn là các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND.

2. Các Sở, ngành, đơn vị gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi

nhánh tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện Châu Đức, Đất Đỏ, Long Điền, Xuyên Mộc, thị xã Phú Mỹ, thành phố Bà Rịa (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Kho bạc Nhà nước các huyện Châu Đức, Đất Đỏ, Long Điền, Xuyên Mộc, thị xã Phú Mỹ, thành phố Bà Rịa (sau đây gọi chung là kho bạc Nhà nước cấp huyện).

3. Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới theo Phụ lục 1 đính kèm.

4. Hợp đồng tín dụng được hỗ trợ lãi suất là Hợp đồng được ký kết từ ngày 07 tháng 4 năm 2018 giữa người vay vốn với hệ thống các Ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND và không bao gồm các hợp đồng đảo nợ.

### **Điều 3. Tổ chức và thẩm quyền xét duyệt hồ sơ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất tại các xã xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

Thành phần Hội đồng thẩm định do 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên gồm: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế (là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định cấp huyện); Phòng Tài chính - Kế hoạch; Trạm Khuyến nông; Kho bạc Nhà nước cấp huyện, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới, đại diện ngân hàng (nếu có) và các đơn vị có liên quan được mời họp thẩm định tùy vào tính chất của từng phương án cụ thể do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về đối tượng, danh sách các hộ gia đình được hỗ trợ lãi suất và kinh phí hỗ trợ lãi suất cho từng hộ gia đình theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND;

b) Hội đồng thẩm định cấp huyện căn cứ hồ sơ đề nghị của người vay vốn và Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới để tổ chức họp thẩm định các đối tượng được hỗ trợ lãi suất, thời hạn hỗ trợ lãi suất và số kinh phí được hỗ trợ lãi suất để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và phê duyệt;

c) Trường hợp không đồng ý hỗ trợ lãi suất phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định.

### **Điều 4. Kế hoạch vốn và phân bổ kinh phí hỗ trợ lãi suất**

1. Kế hoạch nguồn vốn hỗ trợ lãi suất

a) Năm 2018: căn cứ nhu cầu vay vốn của từng hộ dân và định hướng phát triển từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất theo quy định gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ lãi suất của 06 tháng cuối năm 2018

gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung ngân sách của cấp huyện.

b) Từ năm 2019 trở đi, hàng năm căn cứ nhu cầu vay vốn của từng hộ dân và định hướng phát triển từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất theo quy định của Luật Ngân sách gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và gửi Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách của cấp huyện.

c) Căn cứ vào khả năng ngân sách, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh để bố trí nguồn vốn kinh phí thực hiện.

## 2. Phân bổ nguồn vốn hỗ trợ lãi suất

Căn cứ dự toán chi ngân sách đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện thủ tục bổ sung có mục tiêu nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ lãi suất cho cấp huyện trong dự toán ngân sách hàng năm của cấp huyện.

## **Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã xây dựng nông thôn mới**

1. Tiếp nhận hồ sơ theo đơn yêu cầu của người vay.
2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác của các thông tin khi xác nhận đơn đề nghị vay vốn cho người dân trong xã.
3. Thông báo đến người vay vốn trên địa bàn xã kết quả, quyết định phê duyệt phương án vay hỗ trợ lãi suất của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các phương án vay vốn trên địa bàn và mục đích sử dụng vốn. Báo cáo hoạt động sản xuất của đối tượng vay vốn. Đề xuất các biện pháp xử lý vi phạm các đối tượng trên địa bàn (nếu có).
5. Thống kê tình hình nhu cầu vốn phát triển sản xuất, phối hợp với Ban phát triển thôn, ấp trong việc hỗ trợ người dân tiếp cận nguồn vốn đầu tư sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, hướng dẫn xây dựng các dự án phát triển sản xuất theo các định hướng quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
6. Phối hợp với các ngân hàng cho vay kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay để giảm thiểu nguy cơ sử dụng vốn sai mục đích của người vay, kịp thời phát hiện các đối tượng lợi dụng chính sách để sử dụng vốn vay không đúng mục đích, có nguy cơ mất vốn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và báo cáo ngân hàng cho vay để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định.

## **Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới tiếp nhận hồ sơ của người vay vốn, rà soát, xác minh tính chính xác của thông tin khi xác nhận đơn đề nghị vay vốn hỗ trợ lãi suất.

2. Chỉ đạo các phòng, ban chức năng của Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp tuyên truyền, phổ biến các chính sách của tỉnh, tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cá nhân, hộ gia đình trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất.

3. Căn cứ nguồn vốn đã được bố trí trong dự toán, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm ban hành quyết định phê duyệt danh sách các hộ gia đình được hỗ trợ lãi suất, bao gồm đối tượng, phương án vay vốn, thời gian thực hiện và số kinh phí được hỗ trợ theo từng địa bàn.

4. Gửi các Quyết định hỗ trợ lãi suất cho Kho bạc Nhà nước cấp huyện để cơ quan Kho bạc theo dõi và chi trả. Đồng thời gửi về các ngân hàng cho vay theo định kỳ hàng tháng, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) theo định kỳ hàng quý để theo dõi.

5. Kinh phí hỗ trợ lãi suất được quyết toán vào ngân sách Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách.

6. Định kỳ theo quý, sáu tháng và một năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện triển khai quy định hỗ trợ lãi suất tín dụng phát triển sản xuất trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) để tổng hợp, báo cáo.

7. Theo dõi tình hình sản xuất của người vay vốn đã được phê duyệt hỗ trợ lãi suất; phối hợp với các ngân hàng cho vay kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất. Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ và Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới kiểm tra các đối tượng sản xuất nông nghiệp phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp trên địa bàn, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

8. Xử lý các vi phạm tùy theo tính chất của từng phương án vay vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định này.

### **Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thẩm định, tổng hợp nhu cầu vay vốn đầu tư phát triển sản xuất và phương án phân bổ nguồn vốn thực hiện do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất để lập dự toán nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất hàng năm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra giám sát việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất của Ủy ban nhân dân cấp huyện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cắt nguồn vốn này nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng sai mục đích.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền nội dung về đầu tư phát triển nông nghiệp cho cá nhân, hộ

gia đình. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ sáu tháng và một năm về tình hình thực hiện chính sách này.

d) Hàng năm có trách nhiệm xem xét, rà soát và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy định về danh mục lĩnh vực sản xuất nông nghiệp được hưởng hỗ trợ lãi suất (nếu có).

## 2. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ lãi suất trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

b) Chịu trách nhiệm thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất về ngân sách cấp huyện theo dự toán đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

c) Thực hiện thẩm định quyết toán nguồn vốn hỗ trợ lãi suất trong quyết toán ngân sách cấp huyện theo quy định của Luật Ngân sách.

## 3. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp các với các Sở, ban, ngành, đơn vị trong việc truyền thông chính sách hỗ trợ lãi suất này đến các đối tượng liên quan nhằm tạo điều kiện người dân tiếp cận thuận lợi.

## 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan thẩm định các phương án phân bổ nguồn vốn cho từng địa phương, đồng thời tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp xử lý sai phạm (nếu có) đối với các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện chính sách này.

b) Chỉ đạo các ngân hàng cho vay thực hiện cho vay theo quy định của pháp luật và tạo điều kiện thuận lợi để người dân tại các xã xây dựng nông thôn mới tiếp cận vốn vay ngân hàng phục vụ phương án sản xuất kinh doanh.

c) Tổng hợp kết quả thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất đối với Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh).

d) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng để phát triển nông nghiệp, nông thôn khi có yêu cầu.

đ) Chủ trì, tổ chức phổ biến rộng rãi chủ trương về cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định này đến các Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương, Ngân hàng Chính sách.

## 5. Kho bạc Nhà nước cấp huyện

a) Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách của các cá nhân được hỗ trợ lãi suất do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và lệnh chi tiền do Phòng Tài

chính huyện thực hiện, Kho bạc Nhà nước cấp huyện thực hiện chi trả tiền trực tiếp cho người được hỗ trợ.

b) Kho bạc Nhà nước cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm soát chi theo quy định.

c) Cơ quan Kho bạc có quyền từ chối chi các khoản chi trong trường hợp nguồn dự toán kinh phí hỗ trợ chưa được cơ quan Tài chính nhập vào trong hệ thống TABMIS hoặc số tiền chi vượt quá số dư dự toán kinh phí hỗ trợ.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đối chiếu và xác nhận số kinh phí đã chi trả hỗ trợ hàng quý, sáu tháng, một năm theo bảng kê kinh phí hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp huyện lập chi tiết theo người nhận kinh phí; Số quyết định; Ngày quyết định; Số tiền được chi trả; Số tiền Kho bạc đã chi trả.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Ngân hàng cho vay hỗ trợ lãi suất**

1. Thực hiện cho vay, thu nợ theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã và tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tăng cường chức năng giám sát khoản vay đảm bảo sử dụng đúng mục đích vay vốn, kịp thời đề ra các biện pháp ngăn ngừa rủi ro thất thoát vốn.

3. Hỗ trợ người vay vốn các thủ tục pháp lý để thực hiện thủ tục hỗ trợ lãi suất.

4. Tổ chức việc theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND để phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo theo quy định và việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

5. Tuyên truyền phổ biến chính sách này đến cá nhân, hộ gia đình.

### **Điều 9. Trách nhiệm của người vay vốn**

1. Cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định gồm:

a) Hợp đồng tín dụng;

b) Sổ hộ khẩu hoặc KT3;

c) Phương án sản xuất kinh doanh có xác nhận đồng ý cấp tín dụng của ngân hàng cho vay.

d) Đơn đăng ký hỗ trợ lãi suất (theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm).

Các tài liệu cung cấp nêu tại điểm a, b và c khoản này là bản sao có công chứng, chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

2. Hoàn trả vốn gốc và lãi suất khoản vay theo hợp đồng cho vay. Ngân sách tỉnh không thanh toán phần kinh phí lãi suất khoản vay phát sinh do người vay vốn không hoàn trả vốn gốc và lãi suất khoản vay đúng thời hạn quy định trong Hợp đồng tín dụng đã được ký.

3. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục

đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng cho vay. Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả số tiền lãi suất khoản vay được hỗ trợ trước đó cho ngân sách.

### **Điều 10. Kiểm tra và xử lý vi phạm**

1. Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới giám sát trực tiếp đối với mục đích sử dụng vốn, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra quá trình thực hiện dự án của các người vay vốn theo quy định hỗ trợ phát triển sản xuất tại các xã xây dựng nông thôn mới.

2. Định kỳ sáu tháng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách này tại cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành quyết định thu hồi kinh phí được hỗ trợ lãi suất để xử lý những trường hợp người vay vốn sử dụng vốn vay không đúng mục đích đã vay.

4. Trường hợp phát sinh rủi ro do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, bất khả kháng), việc thực hiện xử lý rủi ro áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 10/2015/TT-NNHN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức hướng dẫn triển khai, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện chính sách này vào cuối năm 2019 và năm 2020. Nếu có sự không phù hợp với thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, kiến nghị gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13. tháng 8....năm 2018.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân cấp huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *hư*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TTr- Tỉnh ủy;
- TTr-HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Ktvb);
- Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đài phát thanh truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Như Điều 12;
- Lưu: VT, SNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

*AKT. CHỦ TỊCH*

PHÓ CHỦ TỊCH



*Lê Tuấn Quốc*



## PHỤ LỤC 1

**Danh sách các xã thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

*(Kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 02/tháng 8. năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ BÀ RỊA</b>	
1	Xã Hòa Long	
2	Xã Long Phước	
3	Xã Tân Hưng	
<b>II</b>	<b>HUYỆN LONG ĐIỀN</b>	
4	Xã An Ngãi	
5	Xã Tam Phước	
6	Xã An Nhứt	
7	Xã Phước Tỉnh	
8	Xã Phước Hưng	
<b>III</b>	<b>HUYỆN ĐẤT ĐỎ</b>	
9	Xã Phước Long Thọ	
10	Xã Phước Hội	
11	Xã Long Mỹ	
12	Xã Long Tân	
13	Xã Láng Dài	
14	Xã Lộc An	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN CHÂU ĐỨC</b>	
15	Xã Bình Ba	
16	Xã Suối Nghệ	
17	Xã Xuân Sơn	
18	Xã Sơn Bình	
19	Xã Bình Giã	
20	Xã Bình Trung	
21	Xã Xà Bang	
22	Xã Cù Bị	
23	Xã Láng Lớn	
24	Xã Quảng Thành	

25	Xã Bàu Chinh	
26	Xã Suối Rao	
27	Xã Đá Bạc	
28	Xã Nghĩa Thành	
<b>V</b>	<b>HUYỆN XUYÊN MỘC</b>	
29	Xã Phước Thuận	
30	Xã Phước Tân	
31	Xã Xuyên Mộc	
32	Xã Bông Trang	
33	Xã Tân Lâm	
34	Xã Bàu Lâm	
35	Xã Hòa Bình	
36	Xã Hòa Hưng	
37	Xã Hòa Hiệp	
38	Xã Hòa Hội	
39	Xã Bung Riêng	
40	Xã Bình Châu	
<b>VI</b>	<b>THỊ XÃ PHÚ MỸ</b>	
41	Xã Sông Xoài	
42	Xã Châu Pha	
43	Xã Tóc Tiên	
44	Xã Tân Hòa	
45	Xã Tân Hải	



**PHỤ LỤC 2**

**Mẫu đơn đăng ký hỗ trợ lãi suất**

*(Kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ LÃI SUẤT**

(Đầu tư .....)

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã .....
- Ủy ban nhân dân huyện.....

Họ và tên : .....sinh năm.....

Địa chỉ cư trú: .....  
.....

Địa chỉ đầu tư: .....

CMND/căn cước số:.....do: .....cấp ngày .../.../20....

Hiện tôi có vay vốn tại Ngân hàng .....

....., theo Hợp đồng tín dụng số  
.....ký kết ngày...../... /20.... với tổng vốn vay là  
..... đồng (bằng chữ  
.....), mức lãi suất là ....%/năm, thời hạn vay từ ...../..../20.... đến  
...../..../20....

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phát triển sản xuất tại các xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giai đoạn 2018 - 2020, nay tôi làm đơn này kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố ....., Ủy ban nhân dân xã ..... xem xét, giải quyết cho tôi được hỗ trợ lãi suất theo chính sách hỗ trợ của tỉnh.

Vốn vay đề nghị được hỗ trợ lãi suất là.....đồng  
(mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất không quá 200 triệu đồng theo quy định của tỉnh).

Hồ sơ gửi kèm theo đơn:

1. Hợp đồng tín dụng và phương án sản xuất, kinh doanh có xác nhận đồng ý cấp tín dụng của ngân hàng.

2. Sổ hộ khẩu/sổ tạm trú dài hạn (KT3).

Tôi cam kết sử dụng số tiền vay đúng mục đích, hoàn trả vốn và lãi vay đúng thời hạn quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định./.

**Xác nhận của UBND xã**

....., ngày ... tháng ... năm 201...

**Người vay vốn**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

.....